TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST Ngày 07-3-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn;

Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị Thanh T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Số nhà Q, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Lê Xuân H, trú tại: Thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2022 và các bản tự khai của nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh T trình bày:

Chị T xây dựng hạnh phúc với anh Lê Xuân H do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 4 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Trong quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, bia say, công việc không ổn định, sống không có trách nhiệm, quan tâm gia đình. vợ chồng nhiều lần cãi cọ, đánh chửi xúc phạm nhau, cuộc sống luôn trong tình trạng căng thẳng. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh H không thay đổi cách sống nên vợ chồng sống không có hạnh phúc tuy ở chung nhà nhưng đã sống ly thân nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được đến đầu năm 2020 chị đã về nhà bố mẹ ở Q, quận K, thành phố Hải Phòng ở, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Xuân H. Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Lê Ngọc Q, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2004 đã trưởng thành và Lê Xuân V, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2007. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi con Lê Xuân V và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Xuân H có lời khai thể hiện: Anh nhất trí với chị T trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh có lỗi uống rượu, bia say không kìm chế được nên có những lời lẽ xúc phạm vợ con, có lần anh tát chị T. Tuy ở chung nhà nhưng vợ chồng không có tình cảm với nhau và sống ly thân nhau từ năm 2019. Đến đầu năm 2020 chị T về nhà bố mẹ ở Q, quận K, thành phố Hải Phòng. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh, anh H xin đoàn tụ với chị T và anh đã thay đổi không uống rượu say làm ảnh hưởng đến vợ con nữa. Về con chung: Anh nhất trí vợ chồng có 02 con chung họ, tên các con như chị T trình bày. Nếu chị T kiên quyết ly hôn anh, con Lê Xuân V có ý kiến ở với chị T thì anh nhất trí và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh T đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Lê Xuân H không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Bùi Thị Thanh T được ly hôn anh Lê

Xuân H. Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Lê Ngọc Q, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2004 đã trưởng thành và Lê Xuân V, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2007. Đề nghị Hội đồng xét xử giao con Lê Xuân V cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Bùi Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Lê Xuân H. Anh H có nơi cư trú tại thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thụ lý thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, Hải Phòng.

[2] Nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Xuân H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Thanh T và anh Lê Xuân H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh T và anh Lê Xuân H xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28 tháng 4 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn C, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Quá trình chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh H thường uống rượu say, không quan tâm gia đình, bản thân không có việc làm, kinh tế khó khăn, vợ chồng cãi cọ, xô xát, tình trạng hôn nhân luôn căng thẳng dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T đã về nhà bố mẹ ở và sống ly thân với anh H từ đầu năm 2020 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Chị T xin ly hôn anh H, anh H có ý kiến xin đoàn tụ với chị T nhưng anh H không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là Lê Ngọc Q, sinh ngày 03 tháng 5 năm 2004 và Lê Xuân V, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2007. Hiện con Lê Ngọc Q đã trưởng thành trên 18 tuổi nên vấn đề nuôi dưỡng chị T và anh H không yêu cầu giải quyết. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi con Lê Xuân V và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện nay chị T có công việc, có thu nhập, có

nơi ở ổn định cùng với bố mẹ chị đảm bảo điều kiện chị đề nghị được nuôi con Lê Xuân V. Mặt khác cháu V có đơn đề nghị được ở với chị T. Vì vậy Hội đồng xét xử giao con Lê Xuân V cho chị T nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chị Bùi Thị Thanh T được ly hôn anh Lê Xuân H.

2. Về con chung: Giao con Lê Xuân V, sinh ngày 15 tháng 12 năm 2007 cho chị Bùi Thị Thanh T nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bùi Thị Thanh T không yêu cầu anh Lê Xuân H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Bùi Thị Thanh T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001340 ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, Hải Phòng. Chị Bùi Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Bùi Thị Thanh T và anh Lê Xuân H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã A;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn